



“ VINASUN cam kết mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng ”

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Vinasun Tower – 648 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 028 3827 7178

Fax: 028 3952 6410

Website: www.vinasuncorp.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017



Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

TẦM NHÌN

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Vinasun Corporation đã xác định con đường phát triển của mình dựa trên sự hợp tác vững mạnh, dài lâu và bền vững, cộng với trí tuệ của bộ máy điều hành là nền tảng của hệ thống. Đây là những yếu tố cốt lõi để Vinasun Corporation mở rộng phát triển để trở thành tập đoàn hùng mạnh trong tương lai. Ở Vinasun Corporation, chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển như là một “công dân” của sự phát triển tốt nhất toàn cầu.

SỨ MỆNH

Vinasun Corporation sẽ tiếp tục tìm kiếm và tạo ra những giá trị bằng cách cung cấp các dịch vụ khách hàng tốt nhất, thỏa mãn khách hàng cao nhất. Thông qua sứ mệnh này, chúng tôi hướng đến sự phát triển, mang đến những lợi ích, áp ủ sự thành công không những cho những nhà đầu tư, cổ đông, những đối tác mà còn cho toàn bộ những mối quan hệ trong mắc xích giá trị trên toàn thế giới.

GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

Mong muốn của chúng tôi là mang lại cho khách hàng các dịch vụ tốt nhất và hoàn hảo nhất. Đối với cán bộ công nhân viên mỗi thành viên trong công ty là một giá trị và Vinasun Corporation là môi trường để gia tăng giá trị. Chất lượng của Chúng tôi là luôn hướng tới sự tin tưởng và tin yêu của khách hàng. Lợi nhuận và sự phát triển của Chúng tôi là luôn cố gắng thỏa mãn các yêu cầu và mong đợi của khách hàng, nhân viên và các cổ đông.





VINASUN CORP.

Kề vai sát cánh



MỤC LỤC

Thông tin chung	04
Tình hình hoạt động kinh doanh.....	20
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	44
Đánh giá của HĐQT	54
Quản trị công ty	60
Báo cáo tài chính	70



THÔNG TIN CHUNG

- 📌 Thông tin khái quát
- 📌 Quá trình hình thành và phát triển
- 📌 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 📌 Sơ đồ tổ chức, bộ máy quản lý
- 📌 Định hướng phát triển
- 📌 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM**

Tên Tiếng Anh : VIETNAM SUN CORPORATION

Tên viết tắt : VINASUN CORP

Giấy CNĐKDN số : 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 06 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ : 678.591.920.000 VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 678.591.920.000 VNĐ

Trụ sở chính : 648 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số điện thoại : 028. 38 277 178

Số fax : 028. 39 526 410

Website : www.vinasuncorp.com

Mã cổ phiếu : **VNS**





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Lữ hành Tư Vấn Đầu Tư Ánh Dương Việt Nam, được thành lập vào ngày 15/6/1995, với vốn điều lệ là 300 triệu đồng.

1995

Ngày 27/01/2003, hoạt động kinh doanh Taxi được chính thức đưa vào hoạt động với thương hiệu TAXI VINASUN với số lượng xe ban đầu là 27 chiếc. Ngày 17/7/2003, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng.

2003

Ngày 25/5/2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng để đầu tư thêm xe mới cho hoạt động dịch vụ Taxi. Số lượng xe cuối năm 2006 đã tăng lên 1.085 chiếc.

2006

Tháng 7/2010, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 299.999.970.000 đồng thông qua việc phát hành 9.999.997 cổ phiếu thưởng. Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động của mình tại Vũng Tàu và Đà Nẵng và tập trung phát triển đầu xe, nâng số xe cuối năm lên 4.040 chiếc.

2010

Năm 2011 và 2012, Công ty đã tiến hành trang bị hệ thống thanh toán online trên xe và tiếp tục phát triển đầu xe tại các địa bàn kinh doanh. Số xe cuối năm 2012 đã tăng lên 4.622 chiếc.

2011 - 2012

Tháng 6/2013, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 404.998.180.000 đồng. Tháng 12/2013, Công ty phát hành thêm 30 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 434.998.180.000 đồng. Đến 31/12/2013: Vốn điều lệ của Công ty là 434.998.180.000 đồng.

2013



Tháng 2/2007, Công ty phát hành thêm 84 tỷ đồng mệnh giá để tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng. Tháng 10/2007, Công ty phát hành thêm 70 tỷ đồng mệnh giá cho các nhà đầu tư lớn, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100 tỷ lên 170 tỷ đồng.

Ngày 29/7/2008, Công ty chính thức niêm yết 17 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM với mã Chứng khoán là VNS.

Năm 2009: Công ty đã thay đổi Logo, nhãn hiệu nhận diện và mẫu xe mới, số xe cuối năm đã tăng lên 2.845 chiếc.

2007

2008

2009

Tháng 6/2014, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 565.495.160.000 đồng, Công ty cũng đã mở rộng ra thị trường Nha Trang trong năm.

Tháng 6/2015, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 678.591.920.000 đồng. Từ 27 chiếc xe Taxi ban đầu vào năm 2003, sau hơn 12 năm hoạt động đến cuối năm 2015, Công ty đã phát triển đội xe của mình lên 6.141 chiếc.

Triển khai đồng loạt các địa bàn kinh doanh mới: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Thuận, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế. Thực hiện mô hình nhượng quyền.

2014

2015

2017



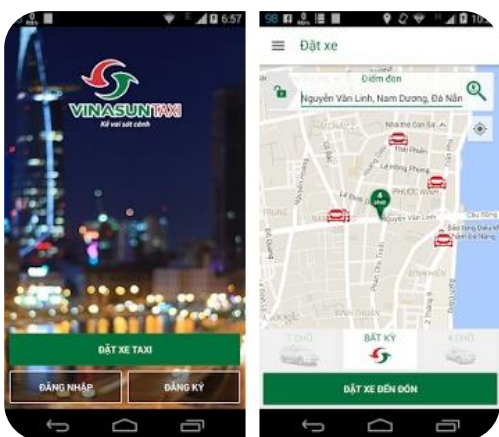
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



VINASUN TAXI, VINASUN GREEN TAXI



VINASUN TRAVEL



VINASUN APP



Các thị trường mà Vinasun đang hoạt động hiện nay là:

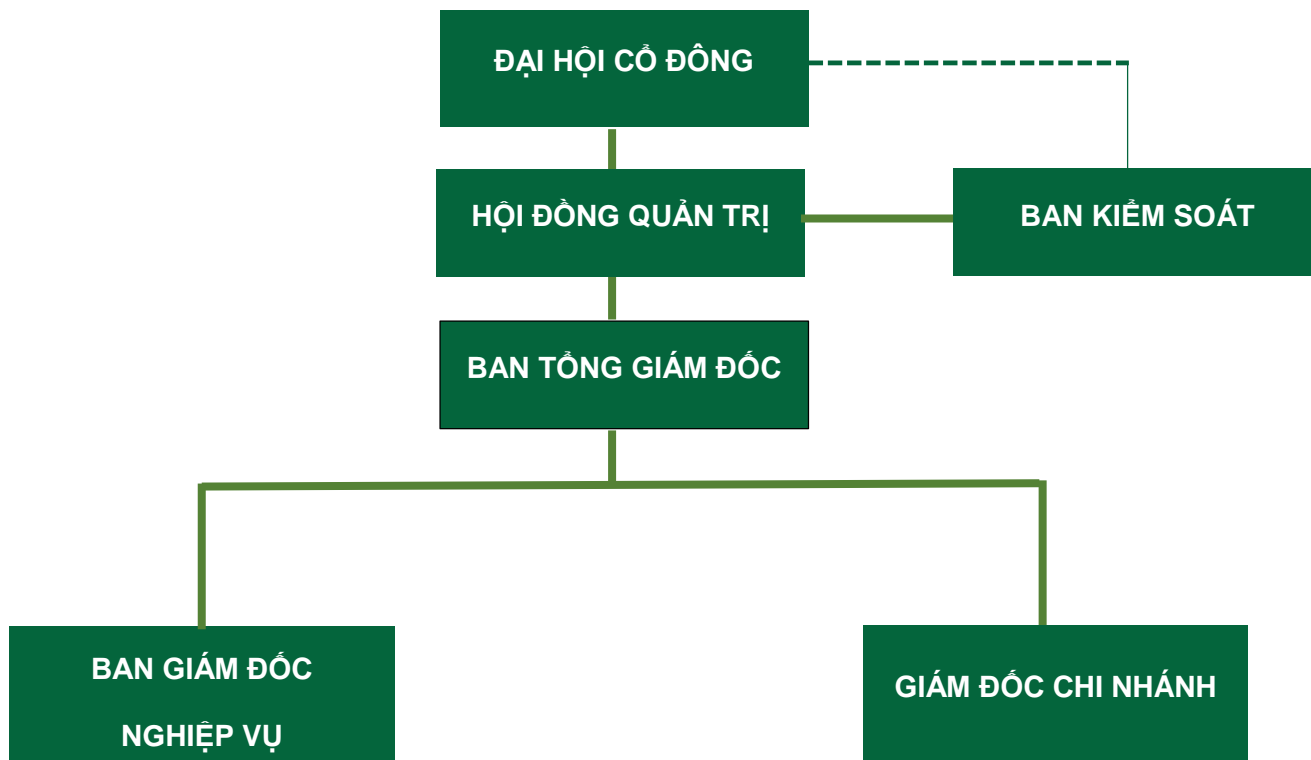
- ✓ Thành Phố Hồ Chí Minh
- ✓ Bình Dương
- ✓ Đồng Nai
- ✓ Vũng Tàu
- ✓ Nha Trang
- ✓ Quảng Nam
- ✓ Quảng Ngãi
- ✓ Bình Thuận
- ✓ Phú Yên
- ✓ Kiên Giang
- ✓ Vĩnh Long
- ✓ Đồng Tháp An Giang
- ✓ Bình Phước
- ✓ Cần Thơ
- ✓ Thừa Thiên Huế
- ✓ Đà Nẵng

Các lĩnh vực hoạt động trong năm 2017 của Công ty bao gồm:

- ✓ Kinh doanh vận tải bằng xe Taxi: Thương hiệu VINASUN TAXI.
- ✓ Kinh doanh du lịch, xe hợp đồng dịch vụ vé máy bay: Thương hiệu VINASUN TRAVEL.
- ✓ Các hoạt động khác.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY



Công ty con của Công ty:

- Công ty cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (Vinasun Green) tại Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 40 tỷ (Vinasun Corp: 90%).
- Kinh doanh chính: Dịch vụ Taxi.

Chi nhánh của Công ty: Gồm:

- 8 chi nhánh tại TP HCM.
- Chi nhánh Kiên Giang
- Chi nhánh Vũng Tàu.
- Chi nhánh Cần Thơ
- Chi nhánh Bình Dương.
- Chi nhánh An Giang
- Chi nhánh Đồng Nai.
- Chi nhánh Vĩnh Long
- Chi nhánh Khánh Hòa.
- Chi nhánh Đồng Tháp
- Chi nhánh Quảng Ngãi.
- Chi nhánh Phú Yên
- Chi nhánh Bình Thuận
- Chi nhánh Bình Phước







MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Tập trung phát triển dịch vụ vận tải taxi, du lịch – ngành nghề chính của Công ty
- Cố gắng phấn đấu để trở thành hãng taxi hàng đầu Việt Nam
- Giữ vững thị phần tại các địa bàn kinh doanh sẵn có, cũng như tìm kiếm những thị phần mới.
- Đẩy nhanh công tác tái cấu trúc Công ty để đảm bảo tính linh hoạt trong việc đa dạng hóa các loại hình và phương thức kinh doanh của Công ty.
- Mở rộng địa bàn kinh doanh, tăng cường sự có mặt của thương hiệu Taxi Vinasun trên khắp cả nước.
- Thường xuyên kiểm tra, thanh lý những xe cũ lỗi thời, thay thế bằng những loại xe mới phù hợp với thị hiếu của khách hàng, hoàn thiện ứng dụng Vinasun App, v.v... để nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

Mở rộng và đa dạng hoá các loại hình kinh doanh: Khai thác các dịch vụ vận tải khác: hợp đồng – du lịch.

Xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp: Văn minh – Lịch sự – Chuyên nghiệp.







RISK

MANAGEMENT





Rủi ro phương tiện thay thế

Trong những năm trở lại đây mật độ các phương tiện giao thông cá nhân ngày càng gia tăng trong khi cơ sở hạ tầng giao thông ngày càng xuống cấp gây ra tình trạng ùn tắc ở những thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, v.v... làm tổn hao thời gian và nguyên nhiên liệu. Trước tình hình đó Nhà nước đã áp dụng các biện pháp như bắt đầu đưa vào thử nghiệm tuyến xe buýt đường sông, các tuyến xe buýt nhanh, nâng cao chất lượng xe buýt, xây dựng tuyến tàu điện ngầm Metro v.v... nhằm kích thích việc sử dụng phương tiện công cộng của người dân. Những nhân tố trên đã tác động tiêu cực đến tình hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu những tác động đó Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp như giảm mức phí, thay đổi các phương tiện đã cũ, gia tăng chất lượng dịch vụ vận tải, v.v...

Rủi ro cạnh tranh

Trong năm 2017, cuộc chiến giữa taxi truyền thống và taxi công nghệ diễn ra ngày càng gay gắt. Với những ưu thế về vốn, dịch vụ, chi phí, loại hình kinh doanh các hãng taxi công nghệ như Grab, Uber đã và đang khiến các hãng taxi truyền thống lao đao. Ngoài ra, taxi truyền thống phải chịu các quy định về thuế, phí, chi phí đầu vào như hạ tầng, bến bãi, đồng hồ tính cước, không được đi vào nhiều tuyến đường cấm trong giờ cao điểm, không được tự ý điều chỉnh giá cước, mua bảo hiểm cho hành khách trên xe, v.v.... Trong khi Grab, Uber lại không chịu sự ép buộc nhiều của pháp luật làm cho sự cạnh tranh giữa taxi truyền thống và Grab, Uber không công bằng. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghệ 4.0 lại là một thách thức cho Công ty bởi vì Grab và Uber mạnh về mảng công nghệ hơn các hãng taxi truyền thống. Hơn nữa các hãng taxi truyền thống thường chi rất lớn cho đầu tư như mua xe, xây dựng bến bãi, v.v... trong khi Grab, Uber lại không cần bỏ nhiều vốn để mua xe, xây dựng bến bãi, v.v... nhưng vẫn có một số lượng xe lớn. Thêm vào đó, chất lượng dịch vụ của Grab, Uber cũng tốt hơn so với những hãng xe taxi truyền thống. Ý thức được môi trường kinh doanh đang thay đổi Công ty đã thực hiện các biện pháp như cập nhật ứng dụng Vinasun App cho phép người sử dụng biết trước được giá cước vận chuyển, thực hiện chương trình giảm giá cước như “Nhận mã bất ngờ - Giảm ngay cước phí”. Ngoài ra, Công ty cũng tìm kiếm thị trường mới ở các tỉnh khác như việc mở thêm nhiều chi nhánh tại các tỉnh, cũng như sự có mặt của Vinasun tại 17 tỉnh thành khác đã giúp Công ty gia tăng được lượng khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang phát triển ứng dụng đặt xe Vcar (bao gồm các xe sang trọng như Lexus, Land Cruiser, Camry, Fortuner, v.v...) với cước phí phù hợp như các dòng xe Camry, Fortuner đời mới sang trọng lại có cước phí bằng với cước phí taxi để có thể cạnh tranh được với các hãng xe taxi khác.



Rủi ro biến động giá xăng dầu và biến động nguồn nhân lực

Đối với ngành nghề kinh doanh dịch vụ taxi thì giá xăng dầu có ảnh hưởng rất lớn đến chi phí của Công ty. Trong báo cáo “Tình hình kinh tế thế giới và triển vọng 2018” của Liên hợp quốc thì giá dầu thế giới đạt mức trung bình 52,5 USD/thùng vào năm 2017 và sẽ tăng lên mức 55,4 USD/thùng vào năm 2018. Bên cạnh đó, theo báo cáo của IMF, trong năm 2017 OPEC và các nhà xuất khẩu dầu không thuộc OPEC, bao gồm Azerbaijan, Kazakhstan và Liên bang Nga, đã đồng ý thực hiện việc giảm sản xuất từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018, tổng cộng 1,8 triệu thùng/ngày. Điều này đã khiến cho giá dầu năm 2017 tăng lên và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm 2018. Trong bối cảnh đó, giá xăng dầu trong nước năm 2017 bắt đầu tăng trưởng mạnh trở lại, việc này sẽ làm tăng chi phí của doanh nghiệp; làm áp lực tăng cước phí hình thành. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giá cước với taxi rất tốn kém vì xe phải nghỉ một buổi, đến cơ quan chức năng điều chỉnh đồng hồ, thay bảng thông báo giá dán trên xe, v.v... Trong khi đó, các doanh nghiệp taxi công nghệ như Grab, Uber sẽ điều chỉnh cước phí nhanh hơn khiến Công ty dễ bị mất thị phần.

Bên cạnh những tác động của biến động giá xăng dầu thì những biến động về nguồn nhân lực cũng tác động tiêu cực đến Công ty. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2017 vận tải hành khách đường bộ đạt 4.081,6 triệu lượt khách, tăng 11,1% so với năm 2016 nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch tăng mạnh. Mặc dù, lượng khách du lịch tăng nhưng nguồn nhân lực của Công ty lại bị giảm đáng kể từ 17.160 nhân viên vào cuối năm 2016 giảm xuống còn 9.179 nhân viên vào quý II/2017. Nguyên nhân của việc giảm nhân sự là do sự sụt giảm về doanh thu làm giảm tiền lương của các tài xế, hay việc chuyển đổi mô hình kinh doanh từ phân chia lợi nhuận sang mô hình nhượng quyền kinh doanh cũng khiến cho số lượng nhân sự của Công ty giảm sút. Để giữ chân được tài xế trong cuộc cạnh tranh khốc liệt, năm qua Vinasun phải tăng mức chiết khấu và thu nhập cho tài xế.



Rủi ro pháp luật

Với đặc thù của ngành kinh doanh dịch vụ taxi và chịu sự quản lý của nhà nước nên ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Nghị định 86/2014/NĐ-CP, Nghị định 46/2016/NĐ-CP của Chính phủ, v.v... đến hoạt động của doanh nghiệp là điều tất yếu. Vì vậy, ngoại trừ việc đăng ký kinh doanh vận tải hành khách thì các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ taxi phải gắn phù hiệu, hộp đèn, đồng hồ tính tiền cước, v.v... Thêm vào đó, Công ty cũng chịu ảnh hưởng của Luật Môi trường do lượng khí xe thải ra. Ngoài ra, Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần, đã được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vì thế Công ty cũng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán. Do vậy, Công ty đã luôn chủ động cập nhật quy định luật pháp, hoàn thiện hệ thống quản lý và từ đó đưa ra các kế hoạch phù hợp và hạn chế các tác động tiêu cực đến sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.



Rủi ro khác

Ngoài kinh doanh hoạt động dịch vụ vận tải thì Công ty còn kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng, nhượng quyền thương mại (chiếm 28,8% doanh thu) nên Công ty thường gặp những trường hợp như bị hủy ngang hợp đồng, các doanh nghiệp không thực hiện đúng hợp đồng chuyển nhượng, v.v.... Để giảm trường hợp bị hủy ngang hợp đồng Công ty thường sử dụng các biện pháp như phải cọc tiền trước, yêu cầu mức phí phạt cao khi hủy ngang hợp đồng, v.v... Ngoài ra, Công ty còn chịu các rủi ro khác như hỏa hoạn, cháy nổ, v.v... đây là những tai nạn bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của công ty. Theo đó, để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về PCCC và mua bảo hiểm cho tất cả tài sản, con người của Công ty.

Rủi ro tài chính

Trong những năm trở lại đây thì các hãng taxi công nghệ như Uber, Grab đang cạnh tranh mạnh mẽ với các hãng taxi truyền thống (Vinasun, Mai Linh) cả chất lượng dịch vụ và giá cả. Vì thế, để tăng sức cạnh tranh thì Công ty đã phải sử dụng thêm nợ vay để mua thêm các phương tiện mới cũng như duy trì và phát triển ứng dụng Vinasun App của Công ty. Đây là khoản vay cần thiết nhưng trong tình hình doanh thu đang sụt giảm như hiện nay thì gia tăng nợ vay tiềm ẩn những tác động tiêu cực đến Công ty. Bên cạnh đó, với tình hình doanh thu giảm như hiện nay thì Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn khi đi vay vốn. Để giảm thiểu những tác động tiêu cực trên Công ty đã luôn cố gắng kiểm soát tốt và sử dụng hợp lý nguồn vốn đã vay được.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 🚩 Tình hình kinh doanh trong năm 2017
- 🚩 Tổ chức nhân sự
- 🚩 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 🚩 Tình hình tài chính
- 🚩 Cơ cấu cổ đông
- 🚩 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



TÌNH HÌNH TRONG NĂM



Nền kinh tế thế giới năm 2017 tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2016. Theo báo cáo của Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 3,7% cao hơn so với mức 3,2% của năm 2016. Những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, v.v... đều đạt mức tăng trưởng khả quan. Bên cạnh đó, OPEC và các nhà xuất khẩu dầu không thuộc OPEC bao gồm Azerbaijan, Kazakhstan và Liên bang Nga, đã đồng ý thực hiện việc giảm sản xuất từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018, tổng cộng 1,8 triệu thùng/ngày. Điều này đã làm cho giá xăng dầu thế giới năm 2017 có xu hướng tăng làm tăng chi phí của các doanh nghiệp kinh doanh các dịch vụ vận tải. Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục phục hồi, nền kinh tế Việt Nam cũng tiếp tục tăng trưởng. Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016.

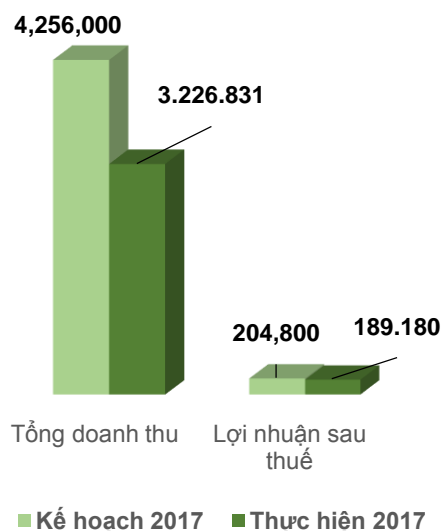
Ngoài ra, chỉ số CPI của Việt Nam bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, nguyên nhân của việc tăng này là do niềm tin của người tiêu dùng tăng lên nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng lên. Việc tăng lên của chỉ số CPI đã có những tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Thêm vào đó, năm 2017 số lượng khách du lịch đến nước ta tăng mạnh, đặc biệt là các thành phố du lịch như TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, v.v.... Điều này đã mang lại cơ hội cũng như thách thức cho các công ty có các mảng hoạt động trong lĩnh vực du lịch trong đó có cả ngành vận tải taxi và du lịch.

Mặc dù, kinh tế thế giới và Việt Nam đều có sự tăng trưởng, nhưng do áp lực cạnh tranh với các hãng taxi công nghệ như Grab, Uber đã khiến cho doanh thu của Công ty ngày càng sụt giảm. Doanh thu năm 2017 giảm 35% so với năm 2016 khi chỉ đạt 2.937 tỷ đồng và không đạt được kế hoạch mà Công ty đã đề ra.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% So với KH 2017	% So với TH 2016
Tổng doanh thu	4.763.440	4.256.000	3.226.831	75,8%	67,74%
Lợi nhuận sau thuế	310.922	204.800	189.180	92,37%	60,84%

Trong năm 2017, tổng doanh thu đạt 3.226,83 tỷ đồng, chỉ đạt 75,8% so với kế hoạch đề ra và giảm 32,26% so với năm 2016. Nguyên nhân của việc doanh thu của Công ty giảm là do chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty tăng 23,13% do trong năm Công ty tiếp tục gia tăng tỷ lệ chiết khấu hoa hồng cho các tài xế nhằm giảm thiểu tình trạng nhân viên chuyển qua làm việc cho các đối thủ. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh các hoạt động marketing, các chương trình khuyến mãi cũng như đưa vào sử dụng các loại xe sang như Camry, Lexus, v.v... làm cho chi phí của Công ty cũng tăng mạnh. Tuy nhiên, với thương hiệu và thị phần như hiện nay thì Công ty vẫn có khả năng cạnh tranh với các hãng khác về giá cước và gia tăng lợi nhuận trong tương lai.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG ĐẶNG PHƯỚC THÀNH

Chức vụ : **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Năm sinh : 1957

Trình độ : Cử nhân sinh hóa

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mê Công

Số cổ phần sở hữu : 16.907.888 cổ phiếu



BÀ ĐẶNG THỊ LAN PHƯƠNG

Chức vụ : **Thành viên Hội đồng quản trị
Tổng giám đốc**

Năm sinh : 1969

Trình độ : Trung cấp TCKT

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu : 15.794 cổ phiếu



ÔNG TRƯƠNG ĐÌNH QUÝ

Chức vụ	:	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc Quản lý Chất lượng
Năm sinh	:	1959
Trình độ	:	Thạc sỹ Khoa học Giáo dục – Cử nhân Luật
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Phó Chủ tịch Hiệp Hội Doanh Nghiệp Tp.HCM
Số cổ phần sở hữu	:	6.318 cổ phiếu



ÔNG TRẦN VĂN BẮC

Chức vụ	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh	:	1958
Trình độ	:	Cử nhân chính trị
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (Satra)
Số cổ phần sở hữu	:	Đại diện cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (Satra): 5.370.300 cổ phiếu

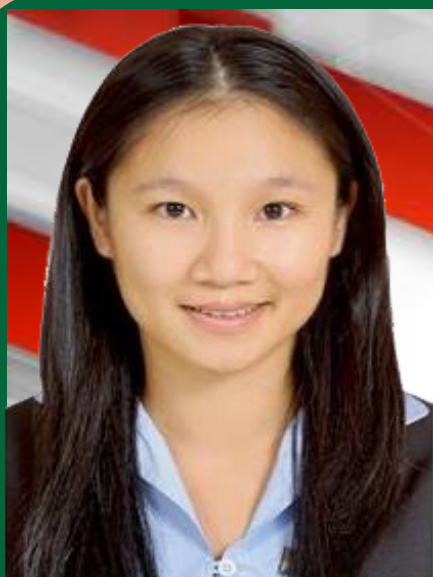


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP)



ÔNG TRẦN ANH MINH

Thành viên Hội đồng quản trị	
Chức vụ	: Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch Đầu tư
Năm sinh	: 1965
Trình độ	: Cử nhân Tài chính
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không có
Số cổ phần sở hữu	: 15.794 cổ phiếu



BÀ HUỲNH THANH BÌNH MINH

Thành viên Hội đồng quản trị	
Chức vụ	: Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh	: 1983
Trình độ	: Thạc sĩ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Giám đốc đầu tư Quỹ đầu tư Tael Two Partners
Số cổ phần sở hữu	: Đại diện cho Tael Two Partners LTD: 12.416.710 cổ phiếu



ÔNG TẠ LONG HỶ

Chức vụ	: Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Taxi
Năm sinh	: 1951
Trình độ	: Cao học Luật
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không có
Số cổ phần sở hữu	: 3.158 cổ phiếu



ÔNG HUỲNH VĂN SĨ

Chức vụ	: Phó Tổng Giám đốc Tổ chức Hành Chánh
Năm sinh	: 1957
Trình độ	: Trung cấp kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không có
Số cổ phần sở hữu	: 15.794 cổ phiếu



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP)



ÔNG ĐẶNG THÀNH DUY

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Đối Ngoại và Phát triển

Năm sinh : 1984

Trình độ : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh (Vinasun Green)

Số cổ phần sở hữu : 5.409.300 cổ phiếu



ÔNG NGUYỄN BẢO TOÀN

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Đối Ngoại và Phát triển

Năm sinh : 1976

Trình độ : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu :



Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Điều hành Taxi

Năm sinh : 1965

Trình độ : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu :

ÔNG NGUYỄN TRỌNG DUY



Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Tổng đài

Năm sinh : 1974

Trình độ : Lớp 12

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu :

BÀ NGUYỄN THỊ ĐĂNG THƯ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP)



Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Du Lịch

Năm sinh : 1974

Trình độ : Cử nhân kinh tế Ngoại thương, Thạc sĩ Luật.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu : 3.883 cổ phiếu

BÀ ĐẶNG PHƯỚC HOÀNG MAI

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành

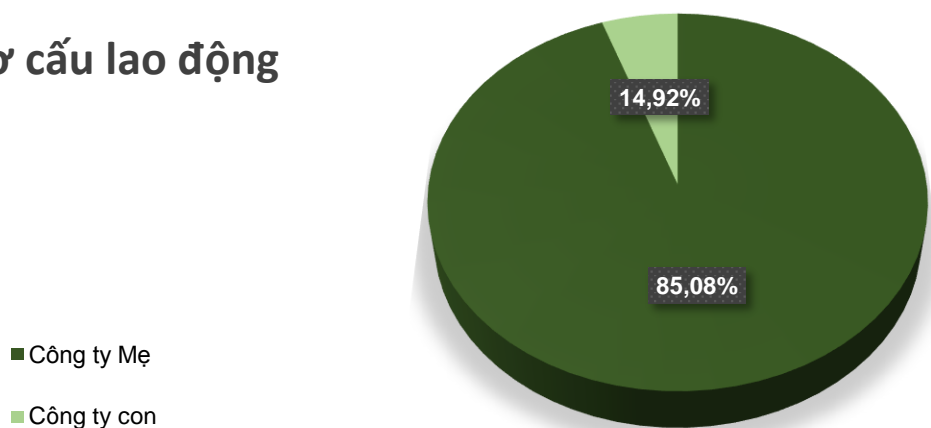


STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Từ nhiệm
1	Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/04/2017
2	Vũ Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	Từ nhiệm ngày 28/04/2017

Số lượng nhân viên

CHỈ TIÊU	2017	
	Số lượng	Tỷ trọng
A. Công ty Mẹ	6.055	85,08%
1. Trực tiếp kinh doanh	3.370	47,35%
2. Trực tiếp điều hành và hỗ trợ kinh doanh	2.049	28,79%
3. Bộ phận gián tiếp	636	8,94%
B. Công ty Con	1.062	14,92%
Tổng cộng	7.117	100,00%

Cơ cấu lao động



Chính sách đối với người lao động:

Hiểu được tầm quan trọng của nguồn nhân lực nên ngay từ những ngày đầu thành lập Công ty đã tập trung xây dựng nguồn nhân lực cốt lõi. Bên cạnh đó, để Công ty có thể phát triển bền vững thì đầu tư cho nguồn nhân lực là khoản đầu tư cần thiết vì khi đời sống người lao động được nâng cao và nhận được sự quan tâm, chăm sóc thì người lao động sẽ tận lực cống hiến và gắn bó với Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách dành cho người lao động mà pháp luật quy định như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v... giúp cán bộ nhân viên Công ty an tâm và luôn gắn bó với Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2017, Công ty đã tiếp tục công tác hoàn thiện và bổ sung các tiện ích cho phần mềm Vinasun App cũng như hệ thống tổng đài thông minh. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh hoạt động của dòng xe V-car. Cụ thể, tình hình đầu tư xe của Công ty trong năm qua như sau:

Công ty Mẹ đã đầu tư 370 xe, thanh lý 1.193 xe, nâng tổng đầu xe của Công ty Mẹ cuối năm 2017 lên 5.438 chiếc.

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2016	Đầu tư trong năm 2017	Thanh lý trong năm	Số xe sở hữu đến 31/12/2017
4 chỗ (Camry - Altis- Vios -Hyundai - Mitsu)	2.044	461	321	2.184
7 chỗ (Innova G –Jnew-Fortuner)	4.517	106	972	3.651
Tổng cộng	6.561	567	1.293	5.835
Trong đó :				
+ Công ty Mẹ	6.261	370	1.193	5.438
+ Công ty con	300	197	100	397

Tổng kết năm 2017, số xe của Công ty là 5.835 chiếc kinh doanh Taxi, giảm 11,07 % so với đầu năm



સાવરસા
સાવરસા

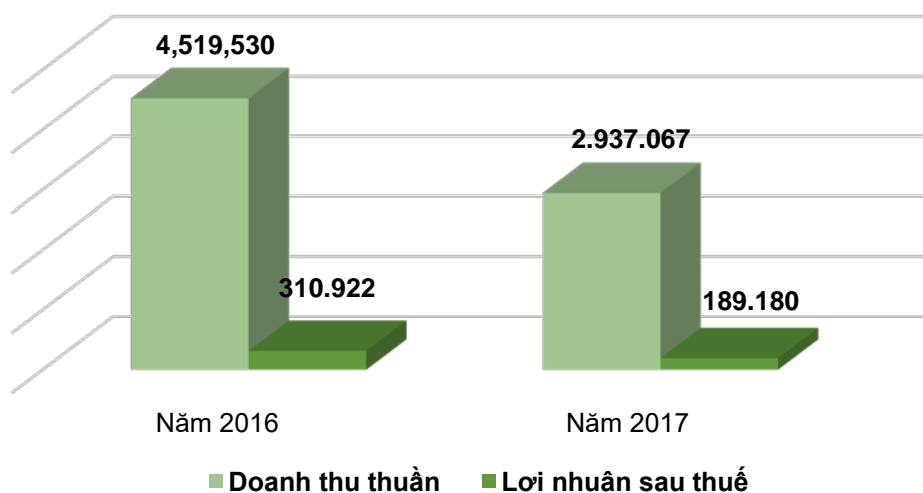
સાવરસા
સાવરસા



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	3.183.174	2.816.251	-11,53%
2	Doanh thu thuần	4.519.530	2.937.067	-35,01%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	224.820	36.283	-83,86%
4	Lợi nhuận khác	171.978	208.699	21,35%
5	Lợi nhuận trước thuế	396.798	244.982	-38,26%
6	Lợi nhuận sau thuế	310.922	189.180	-39,15%



Doanh thu thuần năm 2017 đạt 2.937 tỷ đồng, giảm 35,01% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi đạt 2.067 tỷ đồng, giảm 52,51% so với năm 2016, nguyên nhân vẫn là sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường trong nước, các hãng taxi công nghệ lớn liên tục cạnh giá bằng cách chính sách giảm giá mạnh, tài trợ cho chủ xe, lái xe, v.v... Tuy nhiên, trong năm Công ty đẩy mạnh dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng, hoạt động này mang lại hiệu quả cao, doanh thu trong năm đạt 279 tỷ đồng, tăng 109,66% so với năm 2016. Bên cạnh đó, năm qua Công ty thực hiện việc nhượng quyền thương mại và khai thác taxi, mang lại doanh thu 566 tỷ đồng.

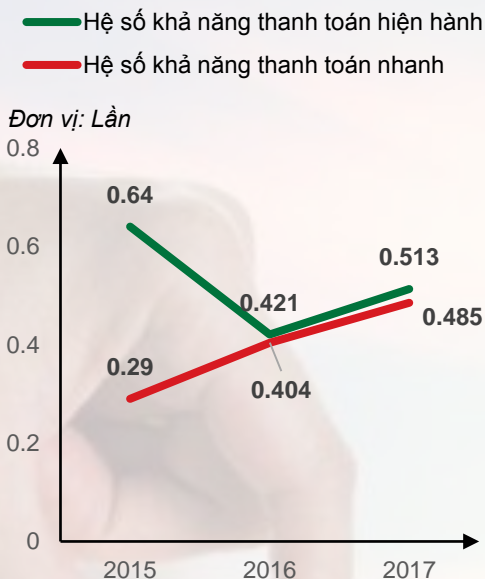
Mặc dù hoạt động nhượng quyền thương mại và khai thác taxi, hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng đem lại doanh thu khả quan trong năm 2017, nhưng hoạt động cốt lõi chính của Công ty bị cạnh tranh khốc liệt đã làm lợi nhuận của Công ty giảm đáng kể. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 189,18 tỷ đồng, giảm 39,15% so với năm 2016.

Các hệ số tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017
I Khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,421	0,513
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,404	0,485
II Cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	51,09%	41,71%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	104,48%	71,56%
III Vòng quay hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	395,86	163,23
2	Vòng quay tài sản	Vòng	1,52	0,98
IV Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)				
1	LNST/Tổng tài sản bình quân	%	10,48%	6,32%
2	LNST/Doanh thu thuần	%	6,92%	6,52%
3	LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,90%	11,83%
4	LN HĐKD/ Doanh thu thuần	%	4,97%	1,24%



Các hệ số tài chính (tiếp)

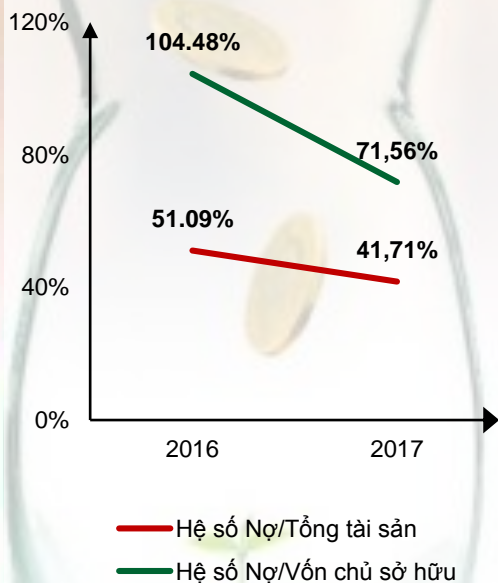


Hệ số khả năng thanh toán của Công ty năm 2017 có xu hướng tăng. Trong đó hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 0,09 lần từ 0,42 lần (2016) tăng lên 0,51 lần (2017) và hệ số thanh toán tức thời tăng 0,08 lần từ 0,4 lần (2016) tăng lên 0,48 lần (2017). Nguyên nhân của sự biến động này là do nợ ngắn hạn của Công ty giảm mạnh hơn tài sản ngắn hạn của Công ty. Trong khi nợ ngắn hạn giảm 19,01% thì tài sản ngắn hạn chỉ giảm 0,84%. Cụ thể, nợ

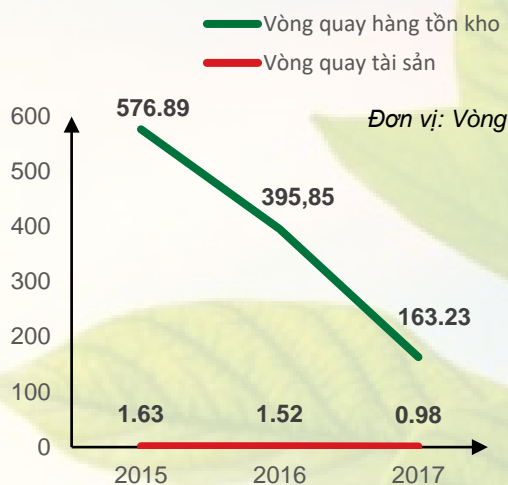
ngắn hạn giảm chủ yếu là do Công ty đã trả được một phần vay và nợ cho thuê tài chính cho các chủ nợ nhờ nguồn thu từ việc thanh lý các xe cũ, còn tài sản ngắn hạn giảm nhẹ là do tiền và các khoản tương đương tiền cùng với khoản phải thu của Công ty giảm lần lượt là 7,57% và 0,44% nhưng hàng tồn kho của Công ty tăng 40,76%.

Hệ số nợ/Tổng tài sản giảm từ 51,09% vào năm 2016 giảm xuống còn 41,71% vào năm 2017. Trong khi đó, hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm từ mức 104,48% vào năm 2016 giảm còn 71,64% vào năm 2017. Hai hệ số trên giảm nguyên nhân là do vay ngắn hạn và vay dài hạn của Công ty trong năm 2017 giảm trong khi vốn chủ sở hữu tăng và Tổng tài sản có tỷ lệ giảm thấp hơn so với vay ngắn hạn và vay dài hạn.

Các khoản vay dài hạn của Công ty dùng để đầu tư mua thêm xe cho hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi và vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Trong đó các khoản vay đến hạn trả sẽ được Công ty hoàn tất đến hết năm 2018. Để có thể phát triển ổn định và bền vững thì việc tăng đầu tư xe qua các năm có thể giúp Công ty tăng trưởng doanh thu khi hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ taxi. Ngoài ra, tỷ lệ nợ hiện tại của Công ty là phù hợp trong bối cảnh Công ty đang cần vốn để mở rộng quy mô cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ.



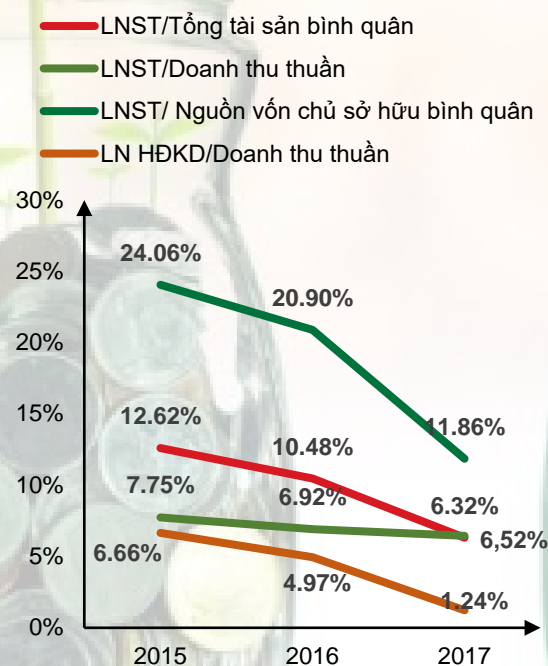
Tại thời điểm cuối năm 2017, nhóm hệ số cơ cấu vốn đều có xu hướng giảm. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản giảm từ 51,09% xuống còn 41,71%. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 104,48% xuống còn 71,64%. Nguyên nhân là do trong năm Công ty tiếp tục thanh lý tài sản cố định làm tổng tài sản giảm 13,03% so với năm 2016. Các khoản nợ của Công ty giảm khoảng 451,7 tỷ đồng, giảm 27,77% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Công ty chủ yếu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn, hướng tới việc sử dụng vốn chủ nhằm thích nghi với tình hình cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.



Hệ số Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 giảm mạnh từ 395,85 vòng năm 2016 giảm xuống còn 163,23 vòng vào năm 2017. Hệ số này giảm là do giá vốn hàng bán giảm 36,6% trong khi hàng tồn kho lại tăng 40,76%.

Giá vốn hàng bán của Công ty chủ yếu là xăng, lương trả cho lái xe và khấu hao. Trong năm 2017, giá các loại xăng dầu đều có tăng, chi phí cho lái xe cũng tăng, trong khi giá vốn hàng bán lại giảm và cước vận tải của Công ty lại không tăng cho thấy những chính sách quản lý chi phí đầu vào của Công ty đã có tác dụng. Điều này sẽ giúp Công ty có thể giữ chân khách hàng. Ngoài ra, hàng tồn kho của Công ty tăng là do lượng xe mua mới cần phải có thêm các phụ tùng đi kèm như bình cứu hỏa, búa, hộp số, v.v...

Hệ số vòng quay Tài sản năm 2017 đạt 0,98 vòng giảm 0,54 vòng so với mức 1,52 vòng của năm 2016. Hệ số vòng quay giảm là do tài sản cố định giảm 11,93% thấp hơn so với mức giảm 35,01% của doanh thu thuần.



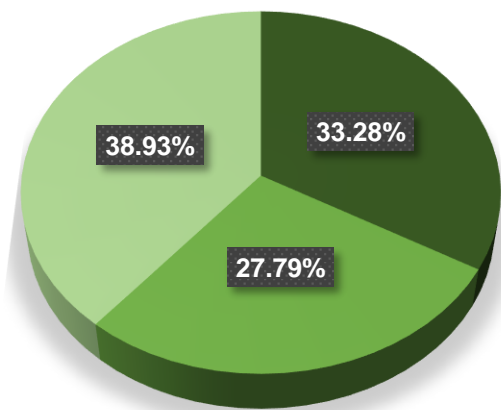
Các tỷ số về khả năng sinh lời của Công ty năm 2017 đều giảm. Đặc biệt là các hệ số LNST/Tổng tài sản, LN HĐKD/Doanh thu thuần, LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu đều giảm mạnh. Trong khi các hệ số này năm 2016 lần lượt đạt 9,82%; 4,97%; 20,08% thì năm 2017 giảm xuống còn 6,8%; 1,24%; 11,68%. Hệ số LNST/Tổng tài sản giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 39,15% trong khi tổng tài sản chỉ giảm 13,03%. Trong khi hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần giảm mạnh nhất nguyên nhân là do Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh giảm mạnh 83,86% còn doanh thu thuần chỉ giảm nhẹ 35,01%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chỉ tiêu	Cổ phần
Tổng số cổ phần	: 67.859.192 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	: Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần đang lưu hành	: 67.859.192 cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
I	Cổ đông nội bộ	22.418.624	33,04
II	Cổ đông trong nước	18.928.132	27,89
1	Cá nhân	12.241.960	18,04
2	Tổ chức	6.686.172	9,85
III	Cổ đông nước ngoài	26.512.436	39,07
1	Cá nhân	424.514	0,63
2	Tổ chức	26.087.922	38,44
Tổng cộng		67.859.192	100



Loại cổ đông

- Cổ đông nội bộ
- Cổ đông trong nước
- Cổ đông nước ngoài

Call: 38. 27 27 27

www.vinasuntaxi.com

Kể vai sát cánh



MỚI

DÒNG TAXI VIOS



MỚI

DÒNG TAXI INNOVA

Diện mạo mới
Nâng tầm chất lượng



DÒNG TAXI INNOVA & VIOS

HỆ THỐNG XE VINASUN TAXI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty ký kết hợp đồng với các trạm xăng của các công ty xăng dầu như Petrolimex, Comemo, v.v... để cung cấp xăng dầu cho các xe của Công ty.

Bên cạnh đó, các xưởng của Công ty cũng chỉ dự trữ các loại phụ tùng và nguyên liệu bảo dưỡng như dầu máy, nhớt, v.v...

Tiêu thụ năng lượng

27

- Là số lít xăng bình quân 1 ngày 1 chiếc xe vinasun 07 chỗ tiêu thụ

21

- Là số lít xăng bình quân 1 ngày 1 chiếc xe vinasun 04 chỗ tiêu thụ

767

- Là số m³ nước văn phòng Công ty dùng trong 1 tháng

70.000

- Là số Kwh điện/tháng dùng là phục vụ cho hoạt động liên tục 24/24 của tổng đài và các bộ phận hỗ trợ.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Đầu tư những dòng xe mới thân thiện với môi trường

Thường xuyên kiểm tra hoạt động xả thải tại các xưởng của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty về công tác bảo vệ môi trường.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực là yếu tố sống còn để Công ty có thể phát triển bền vững, vì vậy Công ty không chỉ tập trung phát triển về số lượng và chất lượng xe mà còn đầu tư vào nhân tố con người. Thêm vào đó, Công ty không những trả lương thưởng phúc lợi ổn định mà Công ty còn đầu tư vào công tác đào tạo nguồn nhân lực. Trong đó, Công ty tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên của Công ty theo từng vị trí và tính chất công việc, cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ cho tài xế. Bên cạnh đó, để có thể giữ chân người lao động Công ty đã thường xuyên ghi nhận những nỗ lực, phấn đấu của cán bộ nhân viên, cùng với các hoạt động tôn vinh những lái xe đã đạt được thành tích xuất sắc trong kinh doanh cũng như nâng cao đạo đức nghề nghiệp của toàn thể nhân

Thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty mẹ năm 2017:

- Nhân viên Gián tiếp, trực tiếp điều hành và hỗ trợ kinh doanh: 11,94 triệu/tháng.
- Các chế độ phúc lợi: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ khác v.v... đều được Công ty thực hiện đầy đủ và đưa vào thoả ước lao động tập thể.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn đảm bảo các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v... cho các cán bộ nhân viên của Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm của cộng đồng địa phương

Với phương châm “Lợi nhuận luôn song hành với trách nhiệm xã hội”, trong năm 2017 vừa qua, bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động xã hội. Cụ thể, Công ty đã trao học bổng cho những học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt thành tích tốt trong học tập, trao tặng nhà tình nghĩa và các hoạt động nhân đạo khác.







BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 🚩 **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- 🚩 **Tình hình tài chính**
- 🚩 **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- 🚩 **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- 🚩 **Giải trình của ban tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
Tổng doanh thu	4.763.440	4.256.000	3.226.831	67,74%	75,8%
Thu nhập khác (thanh lý xe và thu nhập khác)	243.939	231.000	289.764	118,78%	125,43%
Lợi nhuận trước thuế	396.798	256.000	244.982	61,74%	95,70%
Lợi nhuận sau thuế	310.922	204.800	189.180	60,98%	92,37%
Số xe đầu tư	1.364	750	567	41,57%	75,6%
Số xe thanh lý	937	1.050	1.293	137,99%	123,14%

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016		2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Kinh doanh vận tải khách bằng taxi	4.352.991	96,32%	2.067.119	70,38%
Bất động sản đầu tư	14.477	0,32%	-	-
Khác	152.062	3,36%	869.947	29,62%
Tổng cộng	4.519.530	100,00%	2.937.066	100%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2017 chỉ đạt hơn 90% mục tiêu kế hoạch. Cụ thể, Doanh thu kinh doanh đạt 2.937 tỷ đồng, đạt 72,96% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 244.982 triệu đồng, đạt 95,7% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do sự cạnh tranh gay gắt giữa Công ty và các hãng taxi công nghệ Grab, Uber.

Hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi chiếm 70,38% trong cơ cấu Doanh thu. Cụ thể, năm 2017, Doanh thu từ kinh doanh vận tải khách bằng taxi chỉ đạt 2.067 tỷ đồng, giảm 2.285 tỷ đồng so với năm 2016. Nguyên nhân chính là sự gia tăng cạnh tranh của các đối thủ như Uber và Grab.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

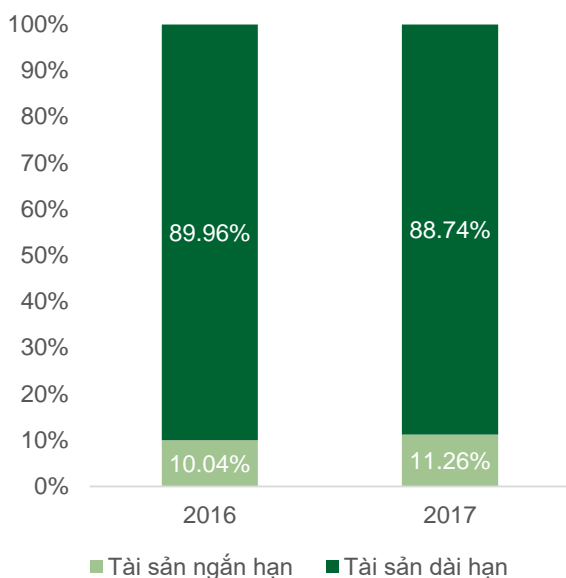
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng tài sản	3.183.174	100,00%	2.816.251	100%
Tài sản ngắn hạn	319.702	10,04%	316.976	11,26%
Tài sản dài hạn	2.863.472	89,96%	2.499.275	88,74%
Tổng nguồn vốn	3.183.174	100,00%	2.816.251	100%
Nợ ngắn hạn	759.861	23,87%	615.449	21,85%
Nợ dài hạn	866.578	27,22%	559.268	19,86%
Vốn chủ sở hữu	1.556.735	48,91%	1.641.534	58,29%





CƠ CẤU TÀI SẢN



Do đặc trưng ngành nghề là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách nên Tài sản cố định (xe) chiếm tỷ trọng lớn trong Cơ cấu tài sản Công ty.

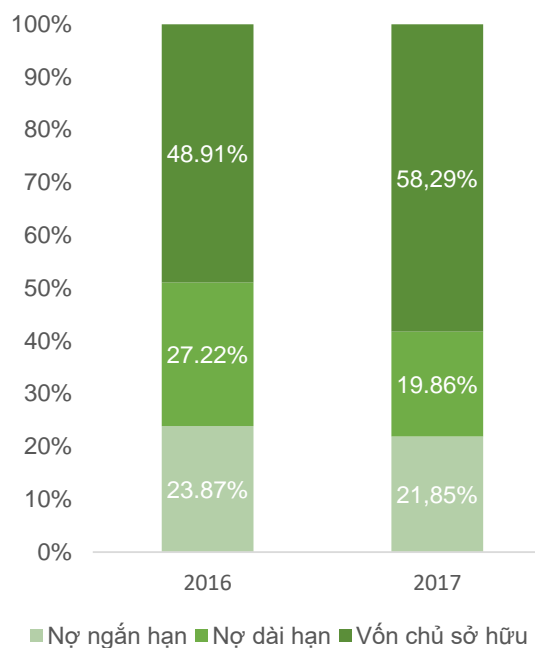
Tài sản ngắn hạn đạt 316.976 triệu đồng, chiếm 11,26% trong cơ cấu, tăng nhẹ 1,22% so với năm 2016. Tài sản ngắn hạn giảm do Công ty sử dụng Tiền để đầu tư mua mới Tài sản cố định. Đáng chú ý trong Tài sản ngắn hạn là sự tăng lên của Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi, tăng hơn 29%, cho thấy hoạt động tiếp thị, quảng bá các dịch vụ tiện ích của Công ty có hiệu

Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn năm 2017 của Công ty lần lượt giảm tỷ trọng khi chỉ chiếm 21,85% và 19,86% trong cơ cấu nguồn vốn. Trong khi đó, Vốn chủ sở hữu đã tăng tỷ trọng lên thành 58,22% trong cơ cấu nguồn vốn.

Tổng Nợ của Công ty trong năm 2017 giảm mạnh do Công ty đã thanh toán các nợ vay đến hạn, giảm áp lực về nợ vay. Trong khi nợ giảm thì nguồn Vốn chủ sở hữu lại tăng nhưng mức độ tăng của Vốn chủ sở hữu thấp hơn mức giảm của nợ vay.

Liên tục mở rộng thị phần và đầu tư thêm xe mới nhưng Vinasun vẫn giữ được cấu trúc tài chính khá ổn định đã cho thấy Công ty có kế hoạch rõ ràng giữa việc phát triển và cân đối nguồn vốn.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN





NHỮNG NHÂN TỐ QUAN TRỌNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017

Những nhân tố bên trong



Nguồn nhân lực

Với việc lấy con người làm giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững nên trong những năm qua, Công ty luôn giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện các khóa đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ để có thể cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ngoài ra, các chương trình đào tạo cũng phù hợp với tất cả các cán bộ nhân viên, các cấp quản lý ở từng phòng ban, bộ phận của Công ty. Thêm vào đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh cho đội ngũ lái xe của Công ty để có thể đáp ứng được yêu cầu của khách hàng mà đặc biệt là các khách hàng nước ngoài.

Chính sách đầu tư xe

Số lượng xe của Công ty đều được duy trì đều đặn với chất lượng xe ổn định. Để làm được điều này thì trong những năm qua Công ty thường xuyên đầu tư các loại xe mới, thanh lý xe cũ. Từ đó, số lượng xe của Công ty được đảm bảo cũng như chất lượng xe được nâng cao. Đây chính là tiền đề cho sự tăng trưởng bền vững của Công ty trong tương lai.

Việc duy trì và mở rộng thị trường như hiện nay thì xe Vinasun đã có mặt trên các tuyến đường và luôn trong trạng thái sẵn sàng phục vụ khách hàng mọi lúc mọi nơi. Đặc biệt với thương hiệu và chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao như hiện nay thì Công ty đã thu hút được nhiều khách hàng hơn góp phần hoàn thành các chỉ tiêu mà Công ty đã đề ra.

Chủ động trong việc điều tiết kế hoạch phát triển kinh doanh được xem là một trong những điểm mạnh của Công ty. Bên cạnh đó, với đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm, tay nghề cao và phong cách phục vụ chu đáo đã giúp Công ty nắm được thế chủ động. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện nhiều chính sách để hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển một cách bền vững. Đặc biệt là hoạt động tái cơ cấu tổ chức, đẩy mạnh công tác đào tạo cũng như ban hành những chính sách thu hút nhân tài.

Phát triển ứng dụng công nghệ gọi xe

Để có thể cạnh tranh được với các hãng taxi Grab, Uber Công ty đã đưa vào sử dụng ứng dụng Vinasun App, thường xuyên nâng cấp, bổ sung các tính năng mới cho những ứng dụng này để thu hút được nhiều khách hàng cũng như duy trì và phát triển thị phần hiện tại của Công ty.

Với việc đưa vào sử dụng ứng dụng Công nghệ gọi xe, Công ty đã đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp cho khách hàng, cũng như tăng khả năng kết nối của khách hàng với Công ty.

Thu hút khách hàng qua tổng đài 38 27 27 27

Trong những năm qua, thông qua hệ thống tổng đài 38 27 27 27 Công ty đã từng bước chiếm được sự tín nhiệm của khách hàng trên toàn bộ khu vực kinh doanh chính của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ tổng đài, đáp ứng đủ đầu xe để phục vụ khách hàng nhanh chóng nhằm mang lại cho khách hàng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Ngoài ra, Công ty cũng đã đưa vào sử dụng công nghệ trong hoạt động quản lý và kết nối với khách hàng. Từ đó, nâng cao năng suất hoạt động cũng như tăng khả năng hỗ trợ và kiểm soát của hệ thống tổng đài.

Nhân tố Chi phí chủ yếu

Xăng nguyên liệu, lương trả cho lái xe, khấu hao là ba thành phần chính cấu thành nên giá vốn hàng bán của Công ty.

Giá xăng trong năm: Thay đổi 19 lần. Trong đó, nhiều lần giá xăng đã tăng mạnh. Mặc dù giá xăng tăng nhưng Công ty vẫn không tăng giá cước so với đầu năm và hỗ trợ thêm chi phí xăng cho anh em lái xe.

Thêm vào đó, việc thay thế xe mới cũng khiến cho chi phí khấu hao của Công ty tăng lên.

Những nhân tố bên ngoài

Tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm vừa qua đã tăng trưởng trở lại. Kinh tế tăng trưởng sẽ giúp cải thiện tiêu chuẩn sống và hành vi của người tiêu dùng. Tuy nhiên, với cơ sở hạ tầng giao thông chưa đáp ứng được nhu cầu như hiện nay thì việc người tiêu dùng lựa chọn taxi làm phương tiện di chuyển là điều dễ hiểu. Điều này sẽ góp phần làm nhu cầu sử dụng taxi trở nên phổ biến hơn, giúp công ty có thể phát triển được doanh số kinh doanh.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công ty đã thực hiện việc tái cấu trúc tổ chức giai đoạn I, giảm số chi nhánh tại TP HCM từ 12 xuống còn 8 chi nhánh.





KẾ HOẠCH NĂM 2018

Dựa vào tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017, cũng như bối cảnh môi trường kinh doanh hiện nay, Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra phương hướng và mục tiêu hoạt động trong năm 2018 của Công ty như sau:

Số lượng xe đầu tư – thanh lý:

- ✓ Đầu tư thêm tối thiểu 700 chiếc trong năm 2018;
- ✓ Thanh lý xe cũ 662 (nhằm đảm bảo chất lượng xe phục vụ).

Ngoài ra, Công ty sẽ chủ động điều chỉnh số xe đầu tư, thanh lý theo tình hình thị trường. Nghiên cứu và thực hiện những chính sách kinh doanh phù hợp để hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.



Đơn vị tính: Chiếc

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2017	Đầu tư trong năm 2018	Thanh lý trong năm	Số xe sở hữu đến 31/12/2018
4 chỗ (Camry – Altis- Vios - Hyundai - Mitsu)	2.184	370	162	2.392
7 chỗ (Innova G –Jnew-Fortuner)	3.651	330	500	3.481
Tổng cộng	5.835	700	662	5.873
Trong đó :				
+ Công ty Mẹ	5.438	700	635	5.503
+ Công ty con	397	0	27	370



Các hoạt động triển khai trong năm 2018

- ✓ Phát triển thêm khách hàng sử dụng thẻ thanh toán online, kết hợp với các ứng dụng thanh toán khác nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh toán đa dạng của khách hàng, song song đó là việc phát triển ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt trên Vinasun App.
- ✓ Hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone (Vinasun App), hệ thống đặt chỗ qua tổng đài và điều xe qua tin nhắn.
- ✓ Khai thác triệt để thế mạnh của hệ thống Tổng đài, kết nối tính năng hiện có với hệ thống phần mềm mới. Nâng khả năng tiếp nhận và xử lý của Tổng đài 38 27 27 27
- ✓ Giữ vững và phát triển thêm các điểm tiếp thị chiến lược.
- ✓ Triển khai thực hiện việc đa dạng hóa mô hình, phương thức và loại hình kinh doanh.
- ✓ Thực hiện việc cơ cấu lại số lượng và chủng loại xe tại các địa bàn kinh doanh

Các nhân tố chính ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty

Doanh thu:

- ✓ Doanh thu theo các mô hình và phương thức kinh doanh khác: sẽ được tính toán và ghi nhận theo thực tế.
- ✓ Số xe đầu tư tối thiểu trong năm: 700. Số xe thanh lý và chuyển đổi: 662.
- ✓ Giá cước bình quân sẽ được điều chỉnh theo tình hình thực tế.

Chi phí:

- ✓ Tỷ lệ chia doanh thu cho anh em Lái xe: theo tỷ lệ hiện hành và sẽ được điều chỉnh tùy vào tình hình thực tế.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 📊 Đánh giá chung hoạt động kinh doanh của Công ty
- 📊 Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 📊 Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017, với việc nền kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi thì nền kinh tế Việt Nam cũng có những chuyển biến rõ rệt. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Tốc độ tăng trưởng GDP đã cho thấy những hiệu quả trong chính sách quản lý của Chính phủ. Bên cạnh đó, cả năm 2017, vận tải hành khách cả nước đã đạt 4.081,6 triệu lượt khách, tăng 11,1% so với năm trước và 182,8 tỷ lượt khách/km, tăng 9,1%, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 3.846,1 triệu lượt khách, tăng 11,5% và 124,6 tỷ lượt khách.km, tăng 8,1%. Những thuận lợi này đã góp phần giúp Công ty ổn định hoạt động kinh doanh dịch vụ của mình. Mặc dù có nhiều cơ hội như vậy nhưng Công ty lại vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt với các hãng taxi công nghệ. Tuy các hãng taxi công nghệ đang có lợi thế về cước phí nhưng đó chỉ là lợi thế trong ngắn hạn. Trong khi đó, yếu tố trên khó có thể duy trì dài hạn vì xung đột giữa việc giữ cước phí thấp với lợi ích tài xế hợp tác nhận được và sự bất ổn của cơ sở pháp lý.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	%Tăng/Giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	4,519,530	2,937,067	-35.01%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	4,519,530	2,937,067	-35.01%
Giá vốn hàng bán	3,873,662	2,455,758	-36.60%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	645,868	481,309	-25.48%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	224,820	36,283	-83.86%
Lợi nhuận khác	171,978	208,699	21.35%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	396,798	244,982	-38.26%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	312,625	191,496	-38.75%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3,937	2,763	-29.82%

Trong bối cảnh đó, sự quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng với vai trò quản trị, định hướng, và giám sát Công ty của Hội đồng quản trị, cũng như sự hỗ trợ đến từ các đối tác, khách hàng cũng đã góp phần giữ vững và phát huy những lợi thế cạnh tranh sẵn có cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ. Trong năm 2017, các chỉ tiêu tài chính đều thấp hơn năm 2016 nguyên nhân là do việc Công ty đầu tư mua các dòng xe mới, cũng như marketing cho ứng dụng Vinasun App, hay đầu tư vào Vcar ứng dụng cho thuê các dòng xe sang. Tuy nhiên, hai dự án trên chỉ trong giai đoạn khởi đầu nên chưa đem lại lợi nhuận cao để bù đắp các chi phí. Mặc dù vậy với những kết quả khảo sát hài lòng từ khách hàng và sự thuận tiện khi sử dụng gọi xe đã cho thấy triển vọng phát triển của dự án trong tương lai.

Với cuộc chiến tranh giành thị phần giữa Công ty và đối thủ tiếp tục diễn ra như hiện nay thì giữ ổn định, cân đối tỷ trọng nguồn vốn trong khi vẫn gia tăng tài sản (xe) là cần thiết. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo đã vận hành hoạt động của Công ty theo hai định hướng chính là phát triển số lượng và chất lượng đội xe, cùng với đó là duy trì mức nợ vay phù hợp với tình hình tài chính của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện tốt các công tác tiết kiệm chi phí, quản lý đội xe chặt chẽ hơn để có thể nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm vào đó, Công ty tiếp tục thực hiện mô hình quản lý tập trung cũng như nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ quản lý, công khai minh bạch tình hình tài chính của Công ty, cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác. Đặc biệt, với vị thế của một doanh nghiệp đứng đầu ngành vận tải hành khách bằng taxi như hiện nay thì Công ty cần phải cố gắng và nỗ lực hơn nữa để có thể duy trì vị thế và phát triển hơn nữa. Với việc gắn mục tiêu gia tăng giá trị cho đối tác và khách hàng cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh, duy trì hoạt động tài chính lành mạnh, minh bạch đã góp phần giúp Công ty đạt kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định và bền vững.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt được các mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chính là do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần giữa Công ty và các hãng taxi công nghệ. Bên cạnh đó, việc các dự án đầu tư chưa đem lại lợi nhuận cao cũng khiến Công ty khó có thể đạt được các mục tiêu đề ra. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng đã đề ra các chiến lược kinh doanh theo đúng định hướng phát triển trung và dài hạn của Công ty để Công ty có thể tiếp tục duy trì vị trí tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ Taxi cũng như khẳng định tính đúng đắn của mục tiêu phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Với việc thực hiện đúng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật thì Ban Tổng Giám Đốc đã tổ chức giám sát, điều hành Công ty theo đúng mục tiêu chiến lược của Công ty để có thể mang lại lợi ích cao nhất Công ty và các cổ đông, nhà đầu tư, cũng như quyền lợi của người lao động, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Ban Tổng Giám đốc đã luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để có thể đề ra các chiến lược kinh doanh ngắn hạn, dài hạn đúng đắn; điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt kết quả tốt. Đảm bảo hoạt động công bố thông tin luôn chính xác, kịp thời và tuân thủ đúng quy định về nội dung.



CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018, nền kinh tế được dự báo vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng. Tuy nhiên, kinh tế thế giới trong năm 2018 tiếp tục phải đối mặt với những nguy cơ như sự thay đổi trong chính sách thương mại của các quốc gia, tình hình tài chính toàn cầu suy giảm đột ngột và sự gia tăng những căng thẳng địa chính trị, cùng với những thách thức về dài hạn. Theo đó, môi trường kinh doanh của Công ty sẽ chịu nhiều ảnh hưởng khi các luật, quy định được sửa đổi, bổ sung và chính thức có hiệu lực. Ngoài ra, bối cảnh cạnh tranh không lành mạnh tiếp tục vô cùng khốc liệt với những yếu tố bất hợp lý về quản lý và cơ chế, chính sách. Với mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, Hội đồng quản trị đã đề ra các kế hoạch và định hướng cho năm 2018 như sau:

Tiếp tục tập trung triển khai chiến lược phát triển Vinasun và phương án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2016-2020. Thực hiện những công tác cải tiến về công nghệ và dịch vụ khách hàng, nhằm giữ vững thị phần và duy trì sự ổn định. Nâng cấp hệ thống kết nối và quản lý taxi hiện đại để phát triển mô hình kinh doanh mới và phát triển địa bàn. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật triển khai hệ thống quản lý điều hành taxi Vinasun.

Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động kinh doanh, tái cấu trúc nguồn vốn, tài chính, hoạt động đầu tư, dòng tiền để có thể đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu nguồn thu Công ty.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng để nâng cao năng suất làm việc của cán bộ nhân viên trong Công ty.

Tăng cường các hoạt động về đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên của Công ty.

Luôn giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành. Từ đó, kịp thời chỉ đạo các mặt hoạt động của Ban điều hành.

Thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội, vì cộng đồng, xây dựng hình ảnh văn hóa Vinasun chuyên nghiệp, hiện đại, kể vai sát cánh và hướng đến cộng đồng.

Giữ vững và mở rộng quan hệ với các Ngân hàng và các tổ chức tài chính khác để có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư với lãi suất thấp.

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2018

Trong lĩnh vực kinh doanh

- Tiếp tục nỗ lực để dẫn đầu về thị phần tại các địa bàn kinh doanh.
- Phủ đều xe trên toàn bộ tuyến đường tại các địa bàn kinh doanh, đáp ứng nhanh chóng nhất nhu cầu của khách hàng.
- Đảm bảo chất lượng đồng đều của các xe kinh doanh. Nâng cao chất lượng và các tiện ích trên xe. Tăng số lượng các điểm tiếp thị và khách hàng cố định.
- Đa dạng hóa các kênh giao tiếp với khách hàng, tạo sự thuận lợi cho khách hàng khi đặt xe: qua ứng dụng trên smartphone, qua Tổng đài, tin nhắn, website v.v....
- Đảm bảo nâng cấp chất lượng phục vụ khách hàng với tiêu chuẩn cao nhất ở tất cả các giai đoạn.

Hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá thương hiệu.
- Tạo nhiều kênh liên lạc để tiếp cận, phục vụ và chăm sóc khách hàng.
- Thực hiện các chương trình khuyến mãi.
- Đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin theo Luật nhằm đảm bảo cho các cổ đông thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động và phát triển của Công ty.
- Nâng cấp và phát triển hệ thống website: www.vinasuncorp.com, trang facebook của Vinasun, cũng như các ứng dụng: Vinasun App, Vcar, v.v...

Hoạt động khác:

Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hạ tầng của Công ty. Đưa vào sử dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác quản lý và điều hành Công ty. Bổ sung, nâng cấp những ứng dụng hiện có của Công ty để nâng cao chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 🏛️ Hội đồng quản trị
- 🏛️ Ban kiểm soát
- 🏛️ Các giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ Và Tên	Chức Danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Đặng Phước Thành	Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị	24,92%
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên Hội Đồng Quản trị Kiêm Tổng Giám đốc	0,023%
Ông Trần Anh Minh	Thành viên Hội Đồng Quản trị Kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,023%
Ông Trương Đình Quý	Thành viên Hội Đồng Quản trị Kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,009%
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên Hội Đồng Quản trị Kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,005%
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	Đại diện cho Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV (Satra): 7,91%
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	Đại diện cho TAEL TWO PARTNERS LTD : 18,3%

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban.

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp HĐQT để triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề phát triển thị trường, các định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh.



Họ Và Tên	Chức Danh	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
Ông Đặng Phước Thành	Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị	31/07/2007	20	100%
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên Hội Đồng Quản trị Kiêm Tổng Giám đốc	31/07/2007	20	100%
Ông Trần Anh Minh	Thành viên Hội Đồng Quản trị Kiêm Phó Tổng Giám đốc	27/04/2012	20	100%
Ông Trương Đình Quý	Thành viên Hội Đồng Quản trị Kiêm Phó Tổng Giám đốc	31/07/2007	20	100%
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên Hội Đồng Quản trị Kiêm Phó Tổng Giám đốc	31/07/2007	20	100%
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	27/04/2012	20	100%
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	28/04/2017	19	95%



Các Nghị quyết / Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	O1/QĐ_HĐQT.17	13/03/2017	<p>Tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Về ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức Đại hội 31/03/2017, thời gian thực hiện 28/04/2017- Về nội dung Đại hội đồng cổ đông 2017: Báo cáo của HĐQT, báo cáo kết quả kinh doanh 2016, phương án kế hoạch kinh doanh năm 2017, báo cáo kết quả kiểm toán 2016, báo cáo của Ban kiểm soát, bầu cử HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022, tờ trình phân phối lợi nhuận 2016, lựa chọn công ty kiểm toán 2017, các vấn đề khác.
2	NQ	28/04/2017	<p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của HĐQT- Báo cáo của BKS- Báo cáo kết quả kinh doanh 2016, các báo cáo tài chính tóm tắt và báo cáo kết quả kiểm toán năm 2016- Phương hướng, kế hoạch kinh doanh năm 2017- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm tài chính 2016- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017- Phê chuẩn chọn công ty kiểm toán- Số lượng TV HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022- Danh sách bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022- Kết quả bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022- Thông qua Nghị quyết đại hội
3	02/QĐ_HĐQT.17	08/05/2017	<p>Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Kiên Giang: 269 đường 30/4 KP1, Thị Trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Kiên Giang</p>

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
4	03/QĐ_HĐQT.17	10/05/2017	<p>Thông qua việc thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2016 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ thực hiện: 10% trên mệnh giá (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày đăng ký cuối cùng: 30/05/2017, ngày thực hiện: 15/06/2017 Địa điểm thực hiện: Đối với chứng khoán lưu ký: làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký; đối với chứng khoán chưa lưu ký: nhận tại Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam 648 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5
5	04/QĐ_HĐQT.17	15/05/2017	<p>Thông qua chủ trương ký kết hợp đồng chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam với Công ty Cổ phần Vận tải Phú Quốc Ngọc Việt:</p> <ul style="list-style-type: none"> Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam đồng ý thanh toán cho Công ty CP Vận tải Phú Quốc Ngọc Việt 15.675.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng tài sản là 57 xe Misubishi 5 chỗ và bao gồm quyền khai thác kinh doanh xe taxi hiện hữu, quyền sở hữu và sử dụng số điện thoại 0773.789.789, quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và các thiết bị đã xây dựng liên quan, các tài sản và các thiết bị xây dựng liên quan, các tài sản và các thiết bị văn phòng hiện hữu, cột an ten và các thiết bị khác của Công ty Cổ phần Vận tải Phú Quốc Ngọc Việt Giao cho Bà Đặng Thị Lan Phương_TGD ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác kinh doanh nói trên.
6	05/QĐ_HĐQT.2017	15/05/2017	<p>Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Bình Thuận: A23, A24 KDC Hùng Vương 1, Đường Hùng Vương, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Bình Thuận</p>
7	06/QĐ_HĐQT.17	06/07/2017	<p>Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Quảng Ngãi: 59 An Dương Vương, P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi</p>



STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
8	07/QĐ_HĐQT.17	06/07/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Quảng Nam: 128 Nguyễn Hoàng, Thị trấn Hà Lam, Huyện Thăng Bình, Quảng Nam
9	08/QĐ_HĐQT.17	01/08/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Bình Phước: 249 Quốc lộ 14, P. Tân Thiện, Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước
10	09/QĐ_HĐQT.17	24/08/2017	<p>Thông qua chủ chương ký kết hợp đồng chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác kinh doanh của Taxi Vinasun tại Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ và An Giang giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Hai Lúa như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Công ty đã thực hiện đầy đủ quy định việc báo cáo thông qua hợp đồng giao dịch với người nội bộ, người có liên quan gửi tới các thành viên HĐQT và BKS từ ngày 16/08/2017 theo quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ.- Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác kinh doanh của taxi Vinasun Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ và An Giang thuộc Công ty TNHH MTV Hai Lúa có giá trị gần 1% thấp hơn 20% tổng tài sản được ghi nhận tại báo cáo tài chính. Công ty đồng ý sẽ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Hai Lúa 26.967.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng tài sản 79 xe ô tô và bao gồm quyền khai thác kinh doanh xe taxi hiện hữu tại các địa bàn Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ và An Giang quyền sở hữu và sử dụng số điện thoại có số đuôi 38.27 27 27, quyền sử dụng tần số vô tuyến,...- Giao cho bà Đặng Thị Lan Phương – TGD ký kết và triển khai hợp đồng chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác kinh doanh.
11	10/QĐ_HĐQT.17	23/08/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Phú Yên: 122 Trần Phú, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
12	11/QĐ_HĐQT.17	08/09/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Đồng Tháp: 35A Nguyễn Tất Thành, Phường 1, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.
13	12/QĐ_HĐQT.17	08/09/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Vĩnh Long: 96 Trần Phú, Phường 4, Tp. Vĩnh Long.

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
14	13/QĐ_HĐQT.17	08/09/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại An Giang: 886/45 Lô 2C Bis, Đường Trương Định, Phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
15	14/QĐ_HĐQT.17	12/09/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thực hiện giao dịch tín dụng và thông qua các hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng MTV ANZ Việt Nam với số tiền tối đa 140.000.000.000 đồng để mua xe kinh doanh taxi và xe du lịch phục vụ hoạt động du lịch với tỷ lệ tài trợ đến 70% giá trị mua xe - Thế chấp các xe mới mua thuộc quyền sở hữu của Công ty cho Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam - Ủy quyền cho Bà Đặng Thị Lan Phương – TGĐ tiến hành các thủ tục cần thiết, ký kết hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tại phòng công chứng - Cho phép Bà Đặng Thị Lan Phương có thể ủy quyền cho Ông Trần Anh Minh – PTGD thực hiện các việc trên
16	15/QĐ_HĐQT.17	11/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Sóc Trăng: 240 Trần Hưng Đạo, P.2, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
17	16/QĐ_HĐQT.17	11/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Cà Mau: 108/11 Lý Thường Kiệt, P.6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
18	17/QĐ_HĐQT.17	11/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Cà Mau: Quốc lộ 1A, Khóm 2, P.7, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
19	18/QĐ_HĐQT.17	11/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam tại Cà Mau: 619 Trần Hưng Đạo, P.3, TP.Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
20	19/QĐ_HĐQT.17	15/11/2017	<p>Thông qua việc thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2017 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thực hiện: 7% trên mệnh giá (01 cổ phiếu nhận 700 đồng), ngày đăng ký cuối cùng: 04/12/2017, ngày thực hiện: 21/12/2017 - Địa điểm thực hiện: Đối với chứng khoán lưu ký: làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký; đối với chứng khoán chưa lưu ký: nhận tại Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam 648 Nguyễn Trãi, P.11, Q5



BAN KIỂM SOÁT

Họ Và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát	0,05%
Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	0%
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên Ban Kiểm soát	0,0005%

Họ Và Tên	Chức danh	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng BKS	31/07/2007	4	100%
Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên BKS	28/04/2017	4	100%
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên BKS	31/07/2007	4	100%

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, cổ đông:

Năm 2017, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Ban giám sát cũng đã kiểm tra cũng như giám sát những chỉ đạo và triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và các hoạt động của Hội đồng quản trị. Đồng thời, Ban kiểm soát cũng đã giám sát việc thực hiện Điều lệ công ty. Trên cơ sở nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh và kiến nghị những vấn đề có liên quan. Xem xét việc quản trị, điều hành kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính trong năm 2017.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin và các nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh, các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát duy trì sự độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm Ban Kiểm soát cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo điều hành của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

GIAO DỊCH, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

✚ Tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là: 2.525.032.631 đồng





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 📊 Bảng cân đối kế toán
- 📊 Báo cáo hoạt động kinh doanh
- 📊 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 📊 Thuyết minh báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch	
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên	
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên	
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên	
Ông Trương Đình Quý	Thành viên	
Ông Trần Anh Minh	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Ngọc Anh	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng ban	
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thắm Hoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Thị Lan Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61058820/19356569-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1



Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		316.976.034.833	319.701.949.818
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	152.133.892.668	164.599.609.945
111	1. Tiền		62.133.892.668	164.599.609.945
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		117.555.897.429	118.072.031.601
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	98.793.321.749	99.506.574.749
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.788.732.077	1.941.077.550
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	20.227.342.890	19.584.173.159
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(3.253.499.287)	(2.959.793.857)
140	III. Hàng tồn kho		17.591.594.668	12.497.973.605
141	1. Hàng tồn kho	7	17.591.594.668	12.497.973.605
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		29.694.650.068	24.532.334.667
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	24.559.568.092	24.433.891.958
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.945.638.862	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		189.443.114	98.442.709
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.499.274.599.162	2.863.472.345.087
210	I. Khoản phải thu dài hạn		1.516.900.000	1.109.900.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.516.900.000	1.109.900.000
220	II. Tài sản cố định		2.427.769.075.821	2.756.651.048.178
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.310.608.825.936	2.535.524.260.484
222	Nguyên giá		3.751.252.691.811	4.128.713.379.898
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.440.643.865.875)	(1.593.189.119.414)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	116.871.946.795	220.960.423.950
225	Nguyên giá		164.200.909.081	297.078.181.752
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.328.962.286)	(76.117.757.802)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	288.303.090	166.363.744
228	Nguyên giá		1.666.221.000	1.431.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.377.917.910)	(1.264.857.256)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		788.406.000	23.993.629.074
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	788.406.000	23.993.629.074
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		68.200.217.341	81.717.767.835
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	66.829.820.529	79.399.196.433
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.370.396.812	2.318.571.402
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.816.250.633.995	3.183.174.294.905

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.174.716.640.774	1.626.439.534.179
310	I. Nợ ngắn hạn		615.449.025.966	759.861.238.070
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	59.523.659.729	47.067.277.514
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.360.726.188	408.158.431
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	32.731.217.463	58.202.833.090
314	4. Phải trả người lao động		28.236.607.677	34.271.644.432
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	27.220.259.106	17.291.291
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	65.484.210.948	89.475.677.818
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	397.115.328.865	487.993.371.062
	Trong đó:			
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả		397.115.328.865	487.993.371.062
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		777.015.990	42.424.984.432
330	II. Nợ dài hạn		559.267.614.808	866.578.296.109
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.146.459.321	1.396.857.886
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	166.304.783.865	181.606.570.084
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	391.816.371.622	683.574.868.139
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.641.533.993.221	1.556.734.760.726
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.641.533.993.221	1.556.734.760.726
411	1. Vốn cổ phần	19.1	678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển	19.1	270.076.778.353	268.412.386.757
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	595.088.101.599	514.269.314.084
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		514.269.314.084	439.038.745.368
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		80.818.787.515	75.230.568.716
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.847.930.159	8.531.876.775
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.816.250.633.995	3.183.174.294.905

Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập

Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 3 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.937.066.985.950	4.519.529.627.635
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 25	(2.455.758.319.911)	(3.873.661.626.988)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		481.308.666.039	645.868.000.647
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.809.695.043	8.297.972.717
22	5. Chi phí tài chính	22	(73.630.792.247)	(81.265.395.895)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(73.630.153.764)	(81.264.244.651)
25	6. Chi phí bán hàng	23, 25	(213.537.332.386)	(216.940.278.492)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(161.467.163.539)	(131.140.620.558)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.283.072.910	224.819.678.419
31	9. Thu nhập khác	24	209.840.698.226	172.338.013.268
32	10. Chi phí khác	24	(1.141.439.188)	(359.790.927)
40	11. Lợi nhuận khác	24	208.699.259.038	171.978.222.341
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		244.982.331.948	396.797.900.760
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(52.538.114.769)	(84.491.521.533)
52	14. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	26.3	(948.174.590)	318.571.402
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		191.496.042.589	312.624.950.629
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		189.179.989.205	310.922.490.888
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.316.053.384	1.702.459.741
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.4	2.763	3.937
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.4	2.763	3.937


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		244.982.331.948	396.797.900.760
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8, 9, 10	524.023.647.464	515.834.605.044
03	(Hoàn nhập trích lập) các khoản dự phòng		(4.447.167.516)	1.923.471.928
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(171.788.038.540)	(163.312.065.457)
06	Chi phí lãi vay		73.630.153.764	81.264.244.651
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		666.400.927.120	832.508.156.926
09	Tăng các khoản phải thu		(221.210.525)	(16.286.526.861)
10	Tăng hàng tồn kho		(5.093.621.063)	(5.424.828.959)
11	Giảm các khoản phải trả		(30.797.818.177)	(11.557.666.513)
12	Giảm chi phí trả trước		12.443.699.770	16.383.303.748
14	Tiền lãi vay đã trả		(74.547.239.697)	(80.582.438.482)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(61.221.262.662)	(87.489.294.204)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.575.049.528
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(46.555.990.536)	(57.782.352.228)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		460.407.484.230	593.343.402.955
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(219.842.041.608)	(1.073.697.687.505)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		243.101.818.138	229.312.772.893
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(1.000.000.000)	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		3.609.609.977	8.291.526.589
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		25.869.386.507	(836.093.388.023)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		123.501.300.000	700.536.600.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(446.731.228.730)	(372.416.045.229)
35	Tiền chi trả nợ thuế tài chính		(59.406.609.984)	(52.943.967.358)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(116.106.049.300)	(134.997.726.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(498.742.588.014)	140.178.861.413

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(12.465.717.277)	(102.571.123.655)
60	Tiền đầu năm		164.599.609.945	267.170.733.600
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	152.133.892.668	164.599.609.945



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7.117 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.160).

Công ty có một công ty con, Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó. Trụ sở chính của ADX đặt tại Số 277, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của ADX là kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trong yếu tố và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lưu hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	44.375.803.258	28.893.398.900
Tiền gửi ngân hàng	17.038.567.538	135.706.211.045
Tiền đang chuyển	719.521.872	-
Các khoản tương đương tiền (*)	90.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	152.133.892.668	164.599.609.945

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	77.001.155.232	73.011.571.346
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	5.500.000.000	5.800.000.000
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	5.205.497.040	-
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lái	4.288.202.194	13.708.760.985
Khác	6.818.467.283	6.986.242.418
TỔNG CỘNG	98.793.321.749	99.506.574.749
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.092.527.523)	(1.025.635.606)
GIÁ TRỊ THUẬN	97.700.794.226	98.480.939.143

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.025.635.606	1.036.321.929
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	66.891.917	10.124.575
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(20.810.898)
Số cuối năm	1.092.527.523	1.025.635.606

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.227.342.890	19.584.173.159
Tạm ứng cho nhân viên	5.961.504.642	6.302.009.157
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	6.257.836.277	6.470.155.912
Kỳ quỹ, kỳ cược	2.587.403.700	1.718.201.200
Phải thu vé máy bay	2.513.985.923	3.422.496.213
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	316.127.498	360.856.548
Khác	2.590.504.850	1.310.454.129
Dài hạn	1.516.900.000	1.109.900.000
Kỳ quỹ, kỳ cược	1.516.900.000	1.109.900.000
TỔNG CỘNG	21.744.242.890	20.694.073.159
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.160.971.764)	(1.934.158.251)
GIÁ TRỊ THUẬN	19.583.271.126	18.759.914.908

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện công cụ, dụng cụ chưa xuất dùng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	6.377.246.812	4.121.336.697.567	999.435.519	4.128.713.379.898
Mua mới trong năm	1.658.545.636	272.179.041.046	992.478.000	274.830.064.682
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	132.877.272.671	-	132.877.272.671
Thanh lý	-	(785.151.753.440)	-	(785.151.753.440)
Giảm khác	-	(16.272.000)	-	(16.272.000)
Số cuối năm	<u>8.035.792.448</u>	<u>3.741.224.985.844</u>	<u>1.991.913.519</u>	<u>3.751.252.691.811</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>711.376.164</i>	<i>17.821.182.143</i>	<i>705.768.719</i>	<i>19.238.327.026</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	2.710.343.616	1.589.658.145.633	820.630.165	1.593.189.119.414
Khấu hao trong năm	2.026.028.704	486.470.601.996	188.616.952	488.685.247.652
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	64.014.134.674	-	64.014.134.674
Thanh lý	-	(705.244.417.155)	-	(705.244.417.155)
Giảm khác	-	(218.710)	-	(218.710)
Số cuối năm	<u>4.736.372.320</u>	<u>1.434.898.246.438</u>	<u>1.009.247.117</u>	<u>1.440.643.865.875</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>3.666.903.196</u>	<u>2.531.678.551.934</u>	<u>178.805.354</u>	<u>2.535.524.260.484</u>
Số cuối năm	<u>3.299.420.128</u>	<u>2.306.326.739.405</u>	<u>982.666.402</u>	<u>2.310.608.825.936</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 1B)</i>	-	<i>1.610.057.325.946</i>	-	<i>1.610.057.325.946</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Phương tiện vận tải

Nguyên giá:

Số đầu năm	297.078.181.752
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>(132.877.272.671)</u>
Số cuối năm	<u>164.200.909.081</u>

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	76.117.757.802
Khấu hao trong năm	35.225.339.158
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>(64.014.134.674)</u>
Số cuối năm	<u>47.328.962.286</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>220.960.423.950</u>
Số cuối năm	<u>116.871.946.795</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số đầu năm	1.431.221.000
Mua mới trong năm	<u>235.000.000</u>
Số cuối năm	<u>1.666.221.000</u>
Trong đó: Đã hao mòn hết	1.218.289.000

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	1.264.857.256
Hao mòn trong năm	<u>113.060.654</u>
Số cuối năm	<u>1.377.917.910</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>166.363.744</u>
Số cuối năm	<u>288.303.090</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phương tiện vận tải	<u>788.406.000</u>	<u>23.993.629.074</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	24.559.568.092	24.433.891.958
Bảo hiểm vật chất xe	15.199.559.349	15.834.580.273
Phí bảo trì đường bộ	4.103.645.100	4.652.949.000
Công cụ, dụng cụ đang dùng	897.451.753	989.280.702
Phí đăng ký cấp biển số xe	526.225.003	-
Đồng phục nhân viên	163.142.927	-
Khác	3.669.543.960	2.957.081.983
Dài hạn	66.829.820.529	79.399.196.433
Tiền thuê văn phòng trả trước	52.455.272.440	53.766.654.256
Công cụ, dụng cụ đang dùng	11.496.521.282	22.166.437.834
Chi phí nâng cấp, cải tạo văn phòng	1.955.142.963	2.137.474.007
Phí bảo trì đường bộ	7.236.000	58.041.000
Khác	915.647.844	1.270.589.336
TỔNG CỘNG	<u>91.389.388.621</u>	<u>103.833.088.391</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	32.117.800.000	62.579.088
Khác	<u>27.405.859.729</u>	<u>47.004.698.426</u>
TỔNG CỘNG	<u>59.523.659.729</u>	<u>47.067.277.514</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	25.069.122.797	224.321.481.282	(235.595.097.606)	13.795.506.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.789.238.402	52.538.114.769	(61.221.262.662)	15.106.090.509
Thuế thu nhập cá nhân	9.344.471.891	7.376.046.944	(12.890.898.354)	3.829.620.481
Khác	-	332.102.217	(332.102.217)	-
TỔNG CỘNG	58.202.833.090	284.567.745.212	(310.039.360.839)	32.731.217.463

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Lương tháng thứ 13 và thưởng	27.220.259.106	-	
Khác	-	17.291.291	
TỔNG CỘNG	27.220.259.106	17.291.291	

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Cổ tức phải trả	54.870.148.700	69.187.410.000	
Lãi vay	3.636.077.122	4.553.163.055	
Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	3.190.752.675	12.179.108.914	
Bảo hiểm vật chất xe	273.786.501	968.166.912	
Khác	3.513.445.950	2.587.828.937	
TỔNG CỘNG	65.484.210.948	89.475.677.818	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	109.928.929.028	124.398.339.604
Nhận ký quỹ từ khách hàng	48.023.870.774	44.115.373.471
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.851.984.063	11.592.857.009
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>166.304.783.865</u>	<u>181.606.570.084</u>

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ các ngân hàng (i)	735.054.000.861	1.058.283.929.591
Thuế tài chính (ii)	53.877.699.626	113.284.309.610
TỔNG CỘNG	<u>788.931.700.487</u>	<u>1.171.568.239.201</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	397.115.328.865	487.993.371.062
+ Vay từ các ngân hàng	365.064.224.089	431.169.646.479
+ Nợ thuế tài chính	32.051.104.776	56.823.724.583
Vay và nợ dài hạn	391.816.371.622	683.574.868.139
+ Vay từ các ngân hàng	369.989.776.772	627.114.283.112
+ Nợ thuế tài chính	21.826.594.850	56.460.585.027

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuế tài chính trong năm như sau:

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	1.058.283.929.591	123.501.300.000	(446.731.228.730)	735.054.000.861
Nợ thuế tài chính	113.284.309.610	-	(59.406.609.984)	53.877.699.626
TỔNG CỘNG	<u>1.171.568.239.201</u>	<u>123.501.300.000</u>	<u>(506.137.838.714)</u>	<u>788.931.700.487</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) *Vay dài hạn từ các ngân hàng*

Nhóm Công ty vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để mua phương tiện vận tải cho việc kinh doanh dịch vụ taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm			Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
	Vay dài hạn đến hạn trả (đến ngày 31/12/2018)	Vay dài hạn	Tổng cộng			
	VND	VND	VND			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	67.041.828.850	73.353.600.958	140.395.429.808	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản + biên độ từ - 0,6% đến +1%	625 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	122.412.200.000	84.797.185.000	207.209.385.000	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2%	1.474 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	19.269.850.008	40.160.059.359	59.429.909.367	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	133 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)						
Khoản vay số 1	129.915.154.092	119.415.116.095	249.330.270.187	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản VND ba tháng + lãi biên 1,5%	1.209 xe
Khoản vay số 1	19.179.165.972	49.015.906.360	68.195.072.332	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi + biên độ 1,5%	148 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	2.089.671.000	1.560.909.000	3.650.580.000	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi + biên độ từ 2%	23 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	5.156.354.167	1.687.000.000	6.843.354.167	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi + biên độ 2,5%	55 xe
TỔNG CỘNG	365.064.224.089	369.989.776.772	735.054.000.861			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) *Vay dài hạn từ các ngân hàng* (tiếp theo)

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Diễn giải					VND
	Quý I/ 2018	Quý II/ 2018	Quý III/ 2018	Quý IV/ 2018	Tổng cộng
Giá trị thanh toán	98.510.633.366	93.940.533.323	89.882.488.317	82.730.569.083	365.064.224.089

(ii) *Thuế tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
Dưới 1 năm	35.375.531.788	3.324.427.012	32.051.104.776	63.492.438.443	6.668.713.860	56.823.724.583	
Từ 1 - 5 năm	22.902.171.239	1.075.576.389	21.826.594.850	60.490.233.602	4.029.648.575	56.460.585.027	
TỔNG CỘNG	58.277.703.027	4.400.003.401	53.877.699.626	123.982.672.045	10.698.362.435	113.284.309.610	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	224.072.333.774	439.038.745.368	1.428.632.262.252
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	310.922.490.888	310.922.490.888
Phân phối lợi nhuận	-	-	44.340.052.983	(44.340.052.983)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(42.289.491.322)	(42.289.491.322)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(11.897.993.867)	(11.897.993.867)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(135.718.384.000)	(135.718.384.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.446.000.000)	(1.446.000.000)
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>86.929.263.110</u>	<u>268.412.386.757</u>	<u>514.269.314.084</u>	<u>1.548.202.883.951</u>
Năm nay					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.412.386.757	514.269.314.084	1.548.202.883.951
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	189.179.989.205	189.179.989.205
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.664.391.596	(1.664.391.596)	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(3.252.022.094)	(3.252.022.094)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(101.788.788.000)	(101.788.788.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.656.000.000)	(1.656.000.000)
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>86.929.263.110</u>	<u>270.076.778.353</u>	<u>595.088.101.599</u>	<u>1.630.686.063.062</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>678.591.920.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	101.788.788.000	135.718.384.000
Cổ tức đã trả	116.106.049.300	134.997.726.000

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	678.591.920.000	67.859.192	678.591.920.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	678.591.920.000	67.859.192	678.591.920.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	678.591.920.000	67.859.192	678.591.920.000

19.4 Lãi trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	187.523.989.205	309.476.490.888
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(42.289.491.322)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	187.523.989.205	267.186.999.566
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>67.859.192</u>	<u>67.859.192</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
Lãi cơ bản và lãi suy giảm	2.763	3.937

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	<u>2.937.066.985.950</u>	<u>4.519.529.627.635</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	2.067.119.662.304	4.352.991.391.424
Doanh thu từ nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	566.422.672.703	-
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	278.581.572.459	132.873.868.549
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	-	14.476.618.182
Khác	24.943.078.484	19.187.749.480

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.609.609.977	8.291.526.589
Khác	85.066	6.446.128
TỔNG CỘNG	<u>3.609.695.043</u>	<u>8.297.972.717</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	1.841.142.899.714	3.737.938.386.713
Giá vốn dịch vụ nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	365.086.983.164	-
Giá vốn dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	226.542.819.386	109.821.435.778
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán	-	8.490.900.000
Khác	22.985.617.647	17.410.904.497
TỔNG CỘNG	<u>2.455.758.319.911</u>	<u>3.873.661.626.988</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	73.630.153.764	81.264.244.651
Khác	638.483	1.151.244
TỔNG CỘNG	<u>73.630.792.247</u>	<u>81.265.395.895</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	213.537.332.386	216.940.278.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.134.581.414	102.125.897.068
Chi phí nhân viên	88.963.405.927	101.253.490.114
Khác	15.439.345.045	13.560.891.310
Chi phí quản lý doanh nghiệp	161.467.163.539	131.140.620.558
Chi phí nhân viên	104.128.558.685	73.076.091.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.074.471.462	37.618.012.643
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.941.890.360	5.857.311.439
Khác	13.322.243.032	14.589.204.627
TỔNG CỘNG	375.004.495.925	348.080.899.050

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	209.840.698.226	172.338.013.268
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	168.178.428.563	149.034.820.686
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	39.003.673.036	15.479.911.927
Khác	2.658.596.627	7.823.280.655
Chi phí khác	(1.141.439.188)	(359.790.927)
Khác	(1.141.439.188)	(359.790.927)
LỢI NHUẬN KHÁC	208.699.259.038	171.978.222.341

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.386.879.891.534	2.391.839.717.748
Chi phí nguyên nhiên liệu	632.634.407.878	1.019.148.158.130
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	524.023.647.464	515.834.605.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.960.216.900	208.925.046.331
Khác	67.264.652.060	85.994.998.785
TỔNG CỘNG	2.830.762.815.836	4.221.742.526.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế TNDN hiện hành	52.536.631.314	84.436.851.533
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	<u>1.483.455</u>	<u>54.670.000</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	52.538.114.769	84.491.521.533
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	948.174.590	(318.571.402)
TỔNG CỘNG	<u>53.486.289.359</u>	<u>84.172.950.131</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>244.982.331.948</u>	<u>396.797.900.760</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	48.996.466.390	79.359.580.152
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	1.483.455	54.670.000
Chi phí không được khấu trừ	<u>4.488.339.514</u>	<u>4.758.699.979</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>53.486.289.359</u>	<u>84.172.950.131</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.370.396.812	2.318.571.402	(948.174.590)	318.571.402

27. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	5.294.304.000	4.284.190.000

28. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	8.334.370.068	4.918.069.588
Từ 1 đến 5 năm	10.685.807.172	5.451.376.532
TỔNG CỘNG	19.020.177.240	10.369.446.120

29. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Nhóm Công ty bắt đầu áp dụng mô hình kinh doanh mới từ tháng 4 năm 2017: nhượng quyền thương mại và khai thác taxi. Theo đó, Nhóm Công ty và một số tài xế đã ký kết hợp đồng với thời hạn 1 năm, cụ thể, Nhóm Công ty trao quyền chủ động kinh doanh cho tài xế mà không quản lý doanh thu trên đồng hồ, và tài xế chịu trách nhiệm tự đổ xăng và thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Đổi lại, các tài xế này phải trả cho Nhóm Công ty một mức phí cố định theo ngày. Mức phí này bao gồm phí khấu hao và bảo trì sửa chữa xe, các chi phí bảo hiểm, phí sử dụng phần mềm ứng dụng Vinasun App và các thiết bị, và các chi phí khác. Các tài xế này trở thành đối tác và không còn là nhân viên của Nhóm Công ty kể từ thời điểm hợp đồng nhượng quyền thương mại và khai thác taxi có hiệu lực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Lan Phương